

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 57/2019/QĐST-DS
2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 18 tháng 11 tháng

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 542/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2019, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 186/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2019, giữa các đương sự:

- *Người yêu cầu:*

1. Anh Lê Anh X, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 7+8 D3, tập thể NCT, phường PH, quận HBT, tp HN.

2. Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1983. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 7+8 D3, tập thể NCT, phường PH, quận HBT, tp HN.

Tạm trú: ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh TG.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn ngày 03/10/2019, anh Lê Anh X và chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày: Anh, chị kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01, ngày 03/5/2006. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Anh, chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nên tự nguyện thuận tình ly hôn yêu cầu Tòa án công nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Anh Kh, sinh ngày 30/3/2006 và Lê Nguyễn Mai A, sinh ngày 10/7/2009, hiện 02 con chung do anh X nuôi dưỡng. Anh, chị thỏa thuận giao 02 con chung cho anh X nuôi, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung: anh X, chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh X, chị H khai không có.

Về lệ phí: chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Nhận thấy yêu cầu của các đương sự là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi 3.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về lệ phí: Ghi nhận việc chị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy nhận định:

[1] Người yêu cầu anh Lê Anh X và chị Nguyễn Thị Cẩm H đều có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt và không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Căn cứ quy định tại các Điều 361, Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Anh X và chị Nguyễn Thị Cẩm H có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, chị H có địa chỉ cư trú (Tạm trú) tại ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh TG. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định

việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang .

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lê Anh X và chị Nguyễn Thị Cẩm H tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01, ngày 03/5/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Anh, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: anh X và chị H thỏa thuận giao 02 con chung là Lê Anh Kh, sinh ngày 30/3/2006 và Lê Nguyễn Mai A, sinh ngày 10/7/2009 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được, xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: anh X và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: anh X và chị H trình bày không có nên không xem xét.

[6] Về lệ phí sơ thẩm: anh X và chị H thỏa thuận chị H chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm, xét thấy phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Anh X và chị Nguyễn Thị Cẩm H.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Anh Kh, sinh ngày 30/3/2006 và Lê Nguyễn Mai A, sinh ngày 10/7/2009 cho anh Lê Anh X trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Cẩm H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000đ, thực hiện kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.4. Chị Nguyễn Thị Cẩm H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

2. Lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Cẩm H nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 17214, ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy chị H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai lậy;
- UBND xã Hội Xuân, CL,TG;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thành Ngoan

